

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2019/DS-ST
Ngày: 25 -10 -2019
V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui và vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH – TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liễu;

Bà Lưu Thị Kiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm Nhân- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89A/2019/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phi P, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số NB, đường H C N, Khu phố N, Phường M, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1960 (có đơn xin giải quyết vắng mặt); Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số BKC, Hẻm MM, đường T N V, Khu phố N, Phường M, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Phi P trình bày:

Do quen biết với vợ chồng ông C, bà N nên bà P biết bà N làm chủ thảo hui, bà P có tham gia góp hui của bà N gồm những phần hui sau:

+ Hụi tháng 1.000.000 đồng: Mở ngày 30/10/2017 gồm có 21 phần, bà P tham gia 2 phần, bà đóng hụi sống cho bà N đến ngày 30/6/2019 thì mãn hụi, bà P hốt hụi chót được 20.000.000 đồng/ phần x 2 phần = 40.000.000 đồng – 1.000.000 đồng tiền hoa hồng = 39.000.000 đồng.

+ Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 03/1/2018, hụi gồm có 23 phần, bà P tham gia 2 phần, bà đóng được 18 kỳ hụi thì bà N vỡ hụi. Nay bà P chỉ yêu cầu trả tiền vốn đã đóng. Cụ thể dây hụi này bà P đóng được 18 kỳ x 750.000 đồng (tiền gốc) x 2 phần = 27.000.000 đồng.

+ Hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 20/3/2018, hụi gồm có 20 phần, bà tham gia 2 phần, bà đóng được 16 kỳ hụi thì bà N vỡ hụi. Nay bà P chỉ yêu cầu trả tiền vốn đã đóng. Cụ thể dây hụi này bà P đóng được 16 kỳ x 750.000 đồng (tiền gốc) x 2 phần = 24.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ hụi bà N còn thiếu là 90.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 2/7/2019 bà P có cho bà N vay số tiền 100.000.000 đồng. Từ ngày vay cho đến nay bà N chưa trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho bà.

Nay, bà P yêu cầu bà Nguyễn Thị N cùng ông Nguyễn Văn C trả số tiền 190.000.000 đồng; trong đó tiền nợ hụi là 90.000.000 đồng và tiền vay là 100.000.000 đồng, bà P không yêu cầu tính lãi tiền hụi và tiền vay.

** Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà N xác nhận bà P có tham gia góp hụi với bà gồm 03 dây hụi như bà P trình bày. Dây hụi mở ngày 30/10/2017, hụi mãn vào ngày 30/6/2019, bà N đã giao tiền hụi cho bà P nhưng bà không có chứng cứ giao hụi nên bà cũng thống nhất trả cho bà P số tiền 39.000.000 đồng. Hai dây hụi còn lại bà thống nhất ý kiến của bà P trả tiền hụi gốc mỗi phần 750.000 đồng. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 03/1/2018, bà P đóng được 18 kỳ x 750.000 đồng x 2 phần = 27.000.000 đồng. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20/3/2018, bà P đóng được 16 kỳ x 750.000 đồng x 2 phần = 24.000.000 đồng. Tổng cộng tiền hụi bà N còn thiếu bà P là 90.000.000 đồng.

Bà N có vay của bà P số tiền 100.000.0000 đồng, số tiền này bà N vay khoảng 02 năm, trả lãi 6%/tháng, giấy nợ ghi ngày 02/7/2019 là do bà viết lại giấy nợ nhưng bà không có chứng cứ đóng lãi nên bà cũng đồng ý trả cho bà P số tiền vay 100.000.000 đồng.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2019, ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông C là chồng bà N, ông không biết bà N vay tiền của bà P nên ông không đồng ý cùng bà N trả tiền vay là 100.000.000 cho bà P. Đối với tiền hụi: Ông có biết bà N làm thảo hụi, ông có thấy bà P có đến kêu hụi, nhưng cụ thể mở bao nhiêu dây hụi, gồm bao nhiêu phần thì ông không biết nên ông không đồng ý cùng bà N trả tiền hụi cho bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu quan điểm đối với việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Xét yêu cầu của bà P về tiền hụi: Ông C biết bà N mở hụi, có thấy bà P đến kêu hụi nhưng ông C vẫn không có ý kiến gì ngăn cản vẫn để bà N làm thảo hụi nhiều năm để phát triển kinh tế gia đình nên ông C có trách nhiệm cùng bà N trả tiền hụi là 90.000.000 đồng cho bà P. Riêng tiền vay: Bà N vay tiền của bà P thể hiện bằng biên nhận vay tiền vào ngày 02/7/2019 nhưng ông C không có ký tên trong giấy vay tiền, bà P cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh ông C cùng bà N vay tiền của bà P nên chỉ buộc bà N trả cho bà P số tiền vay là 100.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 463, 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 Nghị định về hộ, hụi, biếu, phường, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phi P. Về án phí: Buộc bà N, ông C chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà P khởi kiện yêu cầu ông C, bà N trả tiền vay và tiền hụi còn thiếu là 190.000.000 đồng. Đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông C, bà N có nơi cư trú tại số BKC, Hẻm MM, đường T N V, Khu phố N, Phường M, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh. Ông C làm đơn xin giải quyết vắng mặt, Tòa án tiến hành xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng góp hụi giữa bà Lê Thị Phi P với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Bà N xác nhận bà P có tham gia góp 03 dây hụi do bà N làm chủ thảo gồm:

Dây hụi thứ nhất 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 30/10/2017, hụi gồm có 21 phần, bà P tham gia 2 phần, bà đóng hụi sống cho bà N đến ngày 30/6/2019 thì mãn hụi. Dây hụi này bà N xác nhận trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng thì số tiền bà N phải giao cho bà P 39.000.000 đồng, bà N không có chứng cứ đã giao hụi cho bà P nên bà N đồng ý trả cho bà P 39.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Dây hụi thứ hai và thứ ba, bà P và bà N thống nhất trả tiền hụi gốc 750.000 đồng/tháng/kỳ nên Hội đồng xét xử ghi nhận, cụ thể: Dây hụi thứ hai bà P đóng được 16 kỳ x 750.000 đồng (tiền gốc) x 2 phần = 24.000.000 đồng. Dây hụi thứ ba bà P đóng được 18 kỳ x 750.000 đồng (tiền gốc) x 2 phần = 27.000.000 đồng. Tổng cộng bà N còn thiếu tiền hụi của bà P là 90.000.000 đồng.

[2.1.2] Bà N và ông C là vợ chồng, bà N mở hụi tại nhà, những lần kêu hụi hoặc hụi viên đến đóng hụi thì ông C cũng biết, bà N mở hụi để phát triển kinh tế lo cho gia đình nên ông C có trách nhiệm cùng bà N trả cho bà P tiền hụi 90.000.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị Phi P với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1] Bà Nhã có viết giấy vay tiền của bà P 100.000.000 đồng vào ngày 02/7/2019 được bà N thừa nhận, do bà N không trả tiền nên bà P khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền vay 100.000.000 đồng là có cơ sở.

[2.2.2] Trong biên nhận vay tiền 100.000.000 đồng, bà N ký nhận nợ, ông C không có ký tên trong biên nhận nhưng việc vay tiền của bà N để đáo hạn ngân hàng cho những người khác để phát sinh lợi nhuận, phát triển kinh tế cho gia đình nên ông C cùng bà N trả số tiền vay 100.000.000 đồng cho bà P là phù hợp.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh về tiền hụi: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là phù hợp nên chấp nhận. Đối với tiền vay: Theo nhận định trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận theo đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Chấp nhận yêu cầu của bà P nên bà N, ông C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 471 của Bộ luật Dân sự năm; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội” của bà Lê Thị Phi P đối với bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn C.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn C trả cho bà Lê Thị Phi P số tiền 190.000.000 (Một trăm chín mươi triệu) đồng. Trong đó tiền hội là 90.000.000 đồng, tiền vay là 100.000.000 đồng. Ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi.

2. Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N, ông C chưa trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà N, ông C còn phải trả cho bà P số tiền lãi do chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn C chịu 9.500.000 (Chín triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Lê Thị Phi P không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.200.000 (Năm triệu hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007332 ngày 01/8/2019 tại Chi cục Thi hành án thành phố Tây Ninh.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tp.TN;
- CCTHATP.TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung